

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI TP CẤP THCS

NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THI VÀ KẾT QUẢ XẾP GIẢI

MÔN: TIẾNG ANH

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-SGDĐT ngày 24/01/2026)

cek

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
1	VŨ KHẢI	NGUYỄN	072 / 001616	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	9,25	
2	TRẦN MINH	THU	073 / 001647	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	9,25	
3	NGUYỄN HOÀNG MINH	KHÔI	069 / 001542	THCS Ngô Quyền	P. LÊ CHÂN	9,13	
4	LÊ KHÔI	NGUYỄN	072 / 001615	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIẾM	9,13	
5	BÙI DUY	HÙNG	068 / 001531	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	9,00	
6	BÙI MAI	LINH	069 / 001557	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	9,00	
7	ĐÀO MINH	ANH	065 / 001447	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	P. HỒNG BÀNG	8,88	
8	PHẠM NGUYỄN PHÚC	LÂM	069 / 001553	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,88	
9	VŨ NGUYỄN	KHÁNH	093 / 002050	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	8,88	
10	PHẠM KHÁNH	MINH	071 / 001587	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	8,75	
11	PHẠM TAM	PHONG	072 / 001625	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	8,75	
12	NGUYỄN VĂN	THÀNH	073 / 001642	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÙ LIỄN	8,75	
13	VŨ HOÀI	ANH	065 / 001460	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	8,63	
14	LƯU TIẾN	DŨNG	066 / 001483	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	8,63	
15	NGUYỄN TRẦN AN	KHANG	068 / 001536	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	8,63	
16	LÊ HOÀNG	ANH	089 / 001960	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	8,63	
17	ĐỖ VŨ HẢI	ĐẶNG	091 / 002010	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	8,63	
18	PHẠM MẠNH	HÙNG	092 / 002035	THCS Chu Văn An	P. LÊ THANH NGHỊ	8,63	
19	NGUYỄN NGỌC HÀ	LINH	094 / 002070	THCS Cẩm Điền	X. MAO ĐIỀN	8,63	
20	NGUYỄN BẢO	CHÂU	066 / 001475	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	8,50	
21	HOÀNG GIA	HÂN	068 / 001517	THCS Đằng Lâm	P. HẢI AN	8,50	
22	TRẦN THỊ YẾN	MINH	071 / 001591	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	8,50	
23	ĐINH HẢI	NAM	071 / 001598	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,50	
24	NGUYỄN QUANG	TÙNG	074 / 001664	THCS Phục Lễ	P. NAM TRIỆU	8,50	
25	TRẦN PHƯƠNG	ANH	065 / 001455	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	8,38	
26	PHẠM TRẦN TUẤN	KHANG	068 / 001537	THCS Tô Hiệu	P. LÊ CHÂN	8,38	
27	NGUYỄN BẢO	NGỌC	071 / 001610	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	8,38	
28	ĐỖ THÀNH	PHÚC	072 / 001627	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÙ LIỄN	8,38	
29	PHẠM BẢO	AN	089 / 001951	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	8,38	
30	VŨ NGỌC BẢO	LINH	094 / 002075	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	8,38	
31	NGUYỄN HẢI	BÌNH	066 / 001472	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	8,25	
32	LÊ ĐẶNG MINH	CHÂU	066 / 001473	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,25	
33	ĐỖ THỊ HƯƠNG	GIANG	067 / 001499	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	8,25	
34	LÊ TUẤN	HÙNG	068 / 001533	THCS Đằng Lâm	P. HẢI AN	8,25	
35	ĐẶNG HOÀNG	LÂM	069 / 001550	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,25	
36	TRẦN NGẠN	LÂM	069 / 001555	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	8,25	
37	TRẦN NGỌC	LINH	070 / 001569	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	8,25	
38	TRẦN NHẬT TUỆ	MINH	071 / 001590	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	8,25	
39	ĐÀO MINH	NGHĨA	071 / 001605	THCS-THPT FPT	P. HẢI AN	8,25	
40	VŨ THỊ HÀ	VY	074 / 001673	THCS Tô Hiệu	P. LÊ CHÂN	8,25	
41	NGUYỄN GIA	MINH	094 / 002087	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	8,25	
42	NGUYỄN KHÁC TUỆ	MINH	094 / 002089	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	8,25	
43	ĐÀM TUẤN	NGỌC	095 / 002099	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	8,25	
44	NGUYỄN THU	AN	065 / 001446	THCS Trần Hưng Đạo	P. KIẾN AN	8,13	
45	PHẠM YÊN	BÀNG	066 / 001471	TH - THCS - THPT Dewey	P. HÙNG ĐẠO	8,13	
46	PHẠM NGUYỄN	KHÔI	069 / 001543	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÙ LIỄN	8,13	
47	PHẠM PHƯƠNG HÀ	LINH	070 / 001567	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	8,13	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
48	ĐÀO XUÂN GIA	MINH	070 / 001579	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÙ LIỄN	8,13	
49	ĐINH NGUYỄN VIỆT	PHƯƠNG	072 / 001631	THCS-THPT FPT	P. HẢI AN	8,13	
50	TRƯỜNG AN	SA	073 / 001636	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,13	
51	NGÔ HẢI	ĐĂNG	091 / 002011	THCS Thanh Lang	X. HÀ NAM	8,13	
52	LÊ DUY PHÚC	KHANG	092 / 002043	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	8,13	
53	VŨ NHẬT	LINH	094 / 002077	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	8,13	
54	PHẠM NGỌC	MAI	094 / 002082	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	8,13	
55	PHẠM GIA	BÁCH	065 / 001463	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	8,00	
56	NGUYỄN MINH	ĐẠT	067 / 001494	THCS Ngô Quyền	P. LÊ CHÂN	8,00	
57	ĐINH XUÂN PHÚ	HÙNG	068 / 001532	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,00	
58	PHẠM THÀNH	HÙNG	068 / 001534	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	8,00	
59	TRẦN TRỌNG	KIÊN	069 / 001545	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	8,00	
60	ĐINH TUẤN	KIỆT	069 / 001546	THCS Dư Hàng Kênh	P. LÊ CHÂN	8,00	
61	NGUYỄN TIẾN	MINH	070 / 001585	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	8,00	
62	LÊ HÀ KHÁNH	NGÂN	071 / 001604	THCS Đăng Lâm	P. HẢI AN	8,00	
63	NGUYỄN ĐỨC	PHONG	072 / 001624	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	8,00	
64	VŨ MINH	TÚ	074 / 001662	THCS Trương Công Định	P. LÊ CHÂN	8,00	
65	PHẠM LÊ BẢO	YẾN	074 / 001674	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	8,00	
66	NGUYỄN MINH	DŨNG	090 / 001993	THCS Lê Hồng Phong	P. LÊ THANH NGHỊ	8,00	
67	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	090 / 001995	THCS&THPT Marie Curie	P. TÂN HUNG	8,00	
68	NGUYỄN MAI	LAN	093 / 002057	THCS Quang Thành	X. NAM AN PHỤ	8,00	
69	LÊ QUỐC	AN	065 / 001444	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	7,88	
70	TRẦN HÀ	GIANG	067 / 001504	THCS Đăng Hải	P. HẢI AN	7,88	
71	NGUYỄN HỒNG	HẢI	067 / 001513	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	7,88	
72	PHẠM TRẦN TRUNG	NGHĨA	071 / 001608	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,88	
73	ĐÀO MINH	PHƯƠNG	072 / 001630	THCS Đăng Lâm	P. HẢI AN	7,88	
74	VƯƠNG PHƯƠNG	ANH	090 / 001978	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	7,88	
75	ĐÀO THỊ LÂM	BÌNH	090 / 001981	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	7,88	
76	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	091 / 002003	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	7,88	
77	PHẠM CÔNG	KHÁNH	093 / 002047	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	7,88	
78	PHẠM NGỌC	THÙY	097 / 002137	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	7,88	
79	THẾ ĐỨC	BAN	065 / 001464	THCS Tô Hiệu	P. LÊ CHÂN	7,75	
80	PHẠM TIẾN	ĐẠT	067 / 001495	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	7,75	
81	PHẠM NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	067 / 001503	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,75	
82	BÙI TRUNG	HIẾU	068 / 001523	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,75	
83	NGUYỄN NHẬT	NAM	071 / 001599	TH - THCS - THPT Dewey	P. HUNG ĐẠO	7,75	
84	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA	071 / 001607	TH-THCS Nghĩa Lộ	ĐẶC KHU CÁT HẢI	7,75	
85	NGUYỄN MAI	CHI	090 / 001985	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	7,75	
86	PHẠM TUỆ	MINH	095 / 002092	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	7,75	
87	ĐẶNG NAM	PHONG	095 / 002112	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	7,75	
88	CHU BẢO NGỌC SAN	SAN	096 / 002126	THCS Tân Bình	P. LÊ THANH NGHỊ	7,75	
89	NGUYỄN LÊ ANH	THỨ	097 / 002139	THCS Thị trấn Gia Lộc	X. GIA LỘC	7,75	
90	PHẠM VIỆT ANH	DUY	066 / 001489	THCS-THPT FPT	P. HẢI AN	7,63	
91	HOÀNG LÊ MINH	ĐĂNG	067 / 001496	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	7,63	
92	ĐẶNG HƯƠNG	GIANG	067 / 001498	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,63	
93	NGUYỄN VÂN	LAM	069 / 001548	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	7,63	
94	ĐOÀN BẢO	NHI	072 / 001618	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,63	
95	VŨ KHÁNH	TOÀN	073 / 001650	THCS Lê Chân	P. AN BIÊN	7,63	
96	DƯƠNG QUỲNH	ANH	089 / 001956	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,63	
97	LÊ ĐĂNG	CÔNG	090 / 001988	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	7,63	
98	TRẦN NGUYỄN BẢO	NGỌC	095 / 002101	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	7,63	
99	NGUYỄN THỊ BẢO	NGUYỄN	095 / 002103	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	7,63	
100	NGUYỄN THỜI	PHONG	095 / 002113	THCS Hồng Dụ	X. NINH GIANG	7,63	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
101	CAO KHÁNH	PHƯƠNG	096 / 002118	THCS Vĩnh Hưng	X. KÊ SẶT	7,63	
102	VŨ TRƯỜNG	GIANG	067 / 001507	THCS Tô Hiệu	P. LÊ CHÂN	7,50	
103	BÙI TIẾN PHÚC	LÂM	069 / 001549	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,50	
104	DƯƠNG NHẬT	MINH	070 / 001578	THCS Tô Hiệu	P. LÊ CHÂN	7,50	
105	MAI VŨ TRÀ	MY	071 / 001594	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,50	
106	LẠI GIA	TÙNG	074 / 001663	THCS Tam Hưng	P. NAM TRIỆU	7,50	
107	PHẠM XUÂN	AN	089 / 001953	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	7,50	
108	BÙI NGỌC	HÀ	091 / 002017	THCS Thanh Hồng	X. HÀ ĐÔNG	7,50	
109	VŨ THỊ PHƯƠNG	THẢO	096 / 002132	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	7,50	
110	NGUYỄN HÀ CẨM	TÚ	097 / 002150	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	7,50	
111	VŨ THANH	VÂN	097 / 002155	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	7,38	
112	WINSON TEOH CHOON	CHUAN	066 / 001478	THCS Đại Thắng	X. QUYẾT THẮNG	7,38	
113	LÊ BÁCH	DIỆP	066 / 001481	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	7,38	
114	PHẠM DƯƠNG KHÁNH	DUY	066 / 001488	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	7,38	
115	NGUYỄN NGỌC	HÀ	067 / 001510	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	7,38	
116	ĐỖ THỊ HẢI	LINH	069 / 001558	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYÊN	7,38	
117	PHAN TRƯỜNG GIA	MỸ	071 / 001597	THCS Trương Công Định	P. LÊ CHÂN	7,38	
118	ĐINH ĐẠI	QUANG	073 / 001635	THCS Lập Lễ	P. NAM TRIỆU	7,38	
119	NGUYỄN KHÁNH	SANG	073 / 001638	THCS Đông Hoà	P. KIẾN AN	7,38	
120	LÊ HÀ	ANH	089 / 001959	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,38	
121	PHẠM TIẾN	DŨNG	091 / 001996	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,38	
122	HÀ ĐỨC	DUY	091 / 001999	THCS Lê Hồng Phong	P. LÊ THANH NGHỊ	7,38	
123	NGUYỄN QUẾ	PHƯƠNG	096 / 002120	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	7,38	
124	PHẠM TUẤN	CUÔNG	066 / 001480	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	7,25	
125	TRẦN ANH	HÀO	067 / 001514	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	7,25	
126	PHAN ĐỨC	HIỆP	068 / 001522	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÙ LIÊN	7,25	
127	NGUYỄN ĐỨC	MINH	070 / 001583	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	7,25	
128	TRỊNH HỒNG	MINH	071 / 001592	PT Hermann Gmeiner	P. ĐÔNG HẢI	7,25	
129	NGUYỄN MINH	NGA	071 / 001603	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYÊN	7,25	
130	TÔ HỮU	PHƯỚC	072 / 001629	THCS Bắc Sơn	P. KIẾN AN	7,25	
131	ĐỒNG HÀ	AN	089 / 001949	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	7,25	
132	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	090 / 001974	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	7,25	
133	TIÊU THỊ QUỲNH	HOA	092 / 002030	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	7,25	
134	ĐỖ HỮU GIA	HÙNG	092 / 002039	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	7,25	
135	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	096 / 002115	THCS&THPT Marie Curie	P. TÂN HUNG	7,25	
136	TRẦN ĐẮC HIỀN	ANH	065 / 001454	THCS Đặng Lâm	P. HẢI AN	7,13	
137	LÊ THỊ MINH	CHÂU	066 / 001474	THCS Đà Nẵng	P. NGÓ QUYẾN	7,13	
138	LƯƠNG THU	HÀNG	068 / 001515	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYÊN	7,13	
139	BÙI KHÁNH	HUYỀN	068 / 001529	THCS Bạch Đằng	P. HỒNG BÀNG	7,13	
140	LÊ THỊ THANH	LAM	069 / 001547	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	7,13	
141	PHẠM HÀ	LINH	070 / 001564	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYÊN	7,13	
142	NGUYỄN HOÀNG	TRUNG	074 / 001659	THCS Lạc Viên	P. NGÓ QUYẾN	7,13	
143	VŨ THÀNH	TRUNG	074 / 001660	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	7,13	
144	PHẠM QUỲNH	CHI	090 / 001987	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	7,13	
145	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	090 / 001994	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	7,13	
146	NGUYỄN HẢI	MINH	094 / 002088	THCS Duy Tân	P. NHỊ CHIỂU	7,13	
147	PHẠM ĐỖ HÀ	PHƯƠNG	096 / 002121	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	7,13	
148	NGUYỄN DUY	ANH	065 / 001449	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	7,00	
149	PHÍ NGỌC MINH	CHÂU	066 / 001476	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,00	
150	NGUYỄN PHẠM GIA	LONG	070 / 001573	THCS Hòa Bình	P. HÒA BÌNH	7,00	
151	BÙI THỊ HIỀN	MAI	070 / 001574	THCS An Hồng	P. HỒNG AN	7,00	
152	NGUYỄN TUẤN	MINH	070 / 001586	THCS Tô Hiệu	P. LÊ CHÂN	7,00	
153	ĐOÀN THANH	TRÚC	074 / 001658	THCS Bằng La	P. NAM ĐÓ SƠN	7,00	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
154	HÀ PHƯƠNG	ANH	089 / 001957	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	7,00	
155	ĐỒNG PHƯƠNG	CHI	090 / 001983	THCS Liên Hòa	X. KIM THÀNH	7,00	
156	VŨ NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	091 / 002008	THCS Tân Trường	X. MAO ĐIỂN	7,00	
157	NGUYỄN THU	HÀNG	092 / 002025	THCS Thanh Hải	X. HÀ TÂY	7,00	
158	ĐỒNG GIA	LINH	093 / 002063	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	7,00	
159	NGUYỄN BẢO	LINH	093 / 002065	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	7,00	
160	NGUYỄN ĐĂNG	BÁCH	065 / 001462	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	6,88	
161	NGÔ MINH	CƯỜNG	066 / 001479	THCS Anh Dũng	P. HÙNG ĐẠO	6,88	
162	HOÀNG ĐỨC	DƯƠNG	066 / 001490	THCS Kiên Bái	P. THIÊN HƯƠNG	6,88	
163	LÊ HƯƠNG	GIANG	067 / 001501	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	6,88	
164	ĐỖ THỊ MINH	HIỀN	068 / 001521	THCS Nam Sơn	P. AN DƯƠNG	6,88	
165	TÔ GIA	KHANG	069 / 001539	THCS Ngô Quyền	P. LÊ CHÂN	6,88	
166	BÙI NHÂN THÀNH	LONG	070 / 001572	THCS Nam Sơn	P. AN DƯƠNG	6,88	
167	ĐÀO VŨ GIA	NHƯ	072 / 001621	THCS Tam Hưng	P. NAM TRIỆU	6,88	
168	HÀ ANH	THƯ	073 / 001648	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	6,88	
169	NGUYỄN ĐÌNH	AN	089 / 001950	THCS Tuấn Việt	X. LAI KHÉ	6,88	
170	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	094 / 002081	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	6,88	
171	ĐẶNG TRÀ	MY	095 / 002094	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	6,88	
172	MẠC TRANG	NHUNG	095 / 002106	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	6,88	
173	TRẦN MAI	PHƯƠNG	096 / 002122	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	6,88	
174	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	TÀI	096 / 002127	THCS Kê Sắt	X. KÊ SẮT	6,88	
175	VŨ HƯƠNG	THẢO	096 / 002131	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	6,88	
176	NGUYỄN THỊ HIỀN	THƯƠNG	097 / 002141	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	6,88	
177	NGUYỄN GIA	HÂN	068 / 001519	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	6,75	
178	DƯƠNG TIẾN	THÀNH	073 / 001641	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	6,75	
179	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	073 / 001649	THCS Dương Quan	P. THỦY NGUYỄN	6,75	
180	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	090 / 001989	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	6,75	
181	BÙI MINH	HÒA	092 / 002031	THCS Tân Hương	X. VINH LAI	6,75	
182	TRẦN TUẤN	KIỆT	093 / 002054	THCS Hiến Thành	P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG	6,75	
183	CHU KHÁNH	LINH	093 / 002061	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	6,75	
184	VŨ NGỌC BẢO	LINH	094 / 002076	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	6,75	
185	ĐẶNG QUỐC	BẢO	065 / 001465	THCS Tân Tiến	P. AN DƯƠNG	6,63	
186	TRẦN PHƯƠNG	GIANG	067 / 001505	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	6,63	
187	PHẠM NGÂN	HÀ	067 / 001511	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	6,63	
188	PHẠM CHI	MAI	070 / 001576	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	6,63	
189	ĐỖ HIẾU	MINH	070 / 001581	THCS Mỹ Đức	X. AN KHÁNH	6,63	
190	VŨ TIẾN	DŨNG	091 / 001997	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	6,63	
191	NGUYỄN NAM	KHÁNH	093 / 002046	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	6,63	
192	NGUYỄN VĂN BẢO	KHIÊM	093 / 002051	THCS Dân Chủ	X. TÂN KỶ	6,63	
193	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	NAM	095 / 002096	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	6,63	
194	TRẦN THIÊN	PHÚC	096 / 002117	THCS Tân Dân	P. NHỊ CHIỂU	6,63	
195	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	097 / 002144	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	6,63	
196	PHẠM HUY HÙNG	ANH	065 / 001453	THCS Chấn Hưng	X. CHẤN HƯNG	6,50	
197	HOÀNG TUẤN	BẢO	066 / 001467	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	6,50	
198	PHAN GIA	BẢO	066 / 001470	THCS Minh Tân	X. KIẾN MINH	6,50	
199	VŨ TIẾN	LÂM	069 / 001556	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	6,50	
200	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	072 / 001632	THCS Hồng Thái	P. AN HẢI	6,50	
201	NGUYỄN DƯƠNG MINH	ANH	089 / 001964	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HÙNG ĐẠO	6,50	
202	NGUYỄN THỊ DIỆU	ANH	089 / 001968	THCS Đại Đức	X. KIM THÀNH	6,50	
203	PHẠM MINH	GIANG	091 / 002016	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	6,50	
204	TRẦN GIA	KHANG	093 / 002044	THCS Minh Tân	P. NHỊ CHIỂU	6,50	
205	ĐỖ THỊ MAI	LAN	093 / 002056	THCS Tân Quang	X. HỒNG CHÂU	6,50	
206	VŨ NGỌC	LAN	093 / 002058	THCS Long Xuyên	X. BÌNH GIANG	6,50	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
207	TRẦN DIỆU	LY	094 / 002080	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	6,50	
208	BÙI TRẦN XUÂN	MINH	094 / 002085	THCS Minh Tân	P. NHỊ CHIẾU	6,50	
209	NGUYỄN BẢO	NGỌC	095 / 002100	THCS Thanh Hải	X. HÀ TÂY	6,50	
210	NGUYỄN TUYẾT	NHUNG	095 / 002107	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	6,50	
211	VŨ DIỆP	ANH	065 / 001459	THCS An Đà	P. GIA VIÊN	6,38	
212	PHẠM NGỌC	DIỆP	066 / 001482	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	6,38	
213	NGUYỄN BÌNH	MINH	070 / 001582	THCS Tú Sơn	X. KIẾN HẢI	6,38	
214	LÊ ĐỨC	NGHĨA	071 / 001606	THCS Tiên Phong-Vĩnh Phong	X. VĨNH HẢI	6,38	
215	BÙI KHÔI	NGUYỄN	072 / 001613	THCS Bạch Đằng	P. HỒNG BÀNG	6,38	
216	TRẦN BẢO	NHI	072 / 001619	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	6,38	
217	TRẦN DIỆU	UYÊN	074 / 001665	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THUY	6,38	
218	HOÀNG THỊ THANH	BẮC	090 / 001980	THCS Cẩm Hưng	X. CẨM GIANG	6,38	
219	VŨ TIẾN	DŨNG	091 / 001998	THCS Tứ Cường	X. THANH MIỀN	6,38	
220	VŨ ĐĂNG	KHOA	093 / 002053	THCS Cao Thắng	X. THANH MIỀN	6,38	
221	NGUYỄN ĐỨC	PHÁT	095 / 002111	THCS Đoàn Kết	X. HẢI HUNG	6,38	
222	HOÀNG HẠNH	TRANG	073 / 001654	THCS Cao Nhân	P. LÊ ÍCH MỘC	6,25	
223	NGÔ KHÁNH	VÂN	074 / 001667	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THUY	6,25	
224	NGUYỄN VŨ HƯƠNG	GIANG	091 / 002015	THCS Thượng Vũ	X. LAI KHÉ	6,25	
225	HOÀNG THU	HIỀN	092 / 002026	THCS Cẩm Văn	X. TUỆ TÍNH	6,25	
226	PHẠM DOÃN	MINH	094 / 002090	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	6,25	
227	NGUYỄN THỊ TÂM	NHƯ	095 / 002109	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	6,25	
228	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	065 / 001451	THCS Trần Hưng Đạo	P. KIẾN AN	6,13	
229	ĐINH THỊ THU	LOAN	070 / 001571	THCS Hòa Bình	P. HÒA BÌNH	6,13	
230	NGUYỄN PHÚC	MINH	070 / 001584	THCS Đoàn Xá	X. KIẾN HẢI	6,13	
231	BÙI HUY	PHONG	072 / 001623	THCS Trần Phú	P. PHÙ LIÊN	6,13	
232	NGUYỄN NGỌC	TRANG	074 / 001655	THCS Trần Hưng Đạo	P. LƯU KIỂM	6,13	
233	HOÀNG THẾ	VINH	074 / 001670	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	6,13	
234	KHƯƠNG TÙNG	ANH	089 / 001958	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	6,13	
235	PHẠM CAO ĐỨC	ANH	089 / 001969	THCS Tái Sơn	X. TÂN KỶ	6,13	
236	NGUYỄN THỊ NGÂN	HÀ	091 / 002019	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	6,13	
237	PHẠM PHƯƠNG	LINH	094 / 002072	THCS Quyết Thắng	P. ÁI QUỐC	6,13	
238	PHẠM THỊ DIỆU	LINH	094 / 002073	THCS Nghĩa An	X. VĨNH LAI	6,13	
239	VŨ NGỌC	MINH	095 / 002093	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	6,13	
240	HOÀNG HÀ	PHƯƠNG	096 / 002119	THCS Hưng Đạo	X. ĐẠI SƠN	6,13	
241	ĐẶNG TỔ	UYÊN	097 / 002153	THCS Hồng Phúc	X. KHÚC THỨA DỤ	6,13	
242	TRẦN QUỐC	DŨNG	066 / 001486	THCS Hòa Bình	P. HÒA BÌNH	6,00	
243	TRẦN QUỲNH	GIANG	067 / 001506	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	6,00	
244	NGUYỄN HOÀNG	HÀ	067 / 001509	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	6,00	
245	PHAN	KHANG	068 / 001538	THCS An Đồng	P. AN HẢI	6,00	
246	PHẠM DUY	KHÁNH	069 / 001540	THCS Trường Thọ	X. AN TRƯỜNG	6,00	
247	LƯU TUỆ	LÂM	069 / 001551	THCS Thái Sơn	X. AN KHÁNH	6,00	
248	VŨ TRÀ	MY	071 / 001596	THCS Đông Thái	P. AN HẢI	6,00	
249	LÊ NGUYỄN	THẢO	073 / 001644	THCS Lập Lễ	P. NAM TRIỆU	6,00	
250	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	073 / 001645	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	6,00	
251	LƯU TÂM	ANH	089 / 001962	THCS Quang Thành	X. NAM AN PHỤ	6,00	
252	TRẦN ĐẶNG MẠNH	HÀ	092 / 002020	THCS Thanh Hồng	X. HÀ ĐÔNG	6,00	
253	NGUYỄN THỊ MINH	HÀNG	092 / 002024	THCS Đoàn Kết	X. HẢI HUNG	6,00	
254	BÙI KHÁNH	HUYỀN	092 / 002037	THCS Đông Xuyên	X. KHÚC THỨA DỤ	6,00	
255	HOÀNG BẢO	LÂM	093 / 002059	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	6,00	
256	NGUYỄN DIỆU	LINH	093 / 002066	THCS ái Quốc	P. ÁI QUỐC	6,00	
257	HOÀNG MINH	PHÁT	095 / 002110	THCS Kê Sắt	X. KÊ SẮT	6,00	
258	NGUYỄN VĂN	THIỆN	096 / 002135	THCS Bạch Đằng	P. BẮC AN PHỤ	6,00	
259	NGUYỄN ĐỨC	TRÍ	097 / 002146	THCS Kim Đính	X. AN THÀNH	6,00	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
260	NGUYỄN HỮU	AN	065 / 001445	THCS Vạn Sơn	P. ĐỒ SƠN	5,88	
261	NGUYỄN MINH	DƯƠNG	067 / 001492	THCS Hồng Phong	P. AN PHONG	5,88	
262	LUU HƯƠNG	GIANG	067 / 001502	THCS Đồng Hoà	P. KIẾN AN	5,88	
263	LÊ ĐỨC	HIẾU	068 / 001524	THCS Đa Phúc	P. HUNG ĐẠO	5,88	
264	PHẠM HUY	HOÀNG	068 / 001526	THCS Quốc Tuấn	P. AN DƯƠNG	5,88	
265	NGUYỄN ĐỨC	HUY	068 / 001528	THCS Ngũ Lão	P. BẠCH ĐẰNG	5,88	
266	HOÀNG VIẾT	KIÊN	069 / 001544	THCS Lê Lợi	P. AN DƯƠNG	5,88	
267	NGÔ VI KHÁNH	LINH	069 / 001560	TH-THCS Vạn Hương	P. ĐỒ SƠN	5,88	
268	ĐỖ THỊ QUỲNH	MAI	070 / 001575	THCS Tự Cường	X. QUYẾT THẮNG	5,88	
269	ĐẶNG NHẬT	MINH	070 / 001580	THCS Đồng Hoà	P. KIẾN AN	5,88	
270	TRINH LONG HẢI	NAM	071 / 001600	THCS Bát Trang	X. AN TRƯỞNG	5,88	
271	ĐÀO HƯƠNG	TRÀ	073 / 001651	THCS Trần Phú	P. PHÚ LIÊN	5,88	
272	BÙI NGUYỄN QUANG	ANH	089 / 001955	THCS Cổ Dũng	X. LAI KHÊ	5,88	
273	TRẦN ĐỨC	ANH	090 / 001972	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	5,88	
274	VŨ PHƯƠNG	ANH	090 / 001975	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	5,88	
275	VŨ MINH	HOÀNG	092 / 002034	THCS An Phụ	P. TRẦN LIẾU	5,88	
276	PHẠM THÙY	LINH	094 / 002074	THCS Phạm Kha	X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	5,88	
277	DƯƠNG KHÁNH	NGỌC	095 / 002098	THCS Tân Dân	P. LÊ ĐẠI HÀNH	5,88	
278	TRƯƠNG MAI	PHƯƠNG	096 / 002123	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	5,88	
279	LÊ VĂN	QUÂN	096 / 002124	THCS Quang Trung	X. LẠC PHƯỢNG	5,88	
280	PHẠM MINH	THẮNG	096 / 002133	THCS Cẩm Phúc	X. MAO ĐIỂN	5,88	
281	BÙI NGỌC QUỲNH	TRANG	097 / 002143	THCS Kim Đính	X. AN THÀNH	5,88	
282	PHẠM NGUYỄN GIA	BẢO	066 / 001469	THCS Tân Tiến	P. AN DƯƠNG	5,75	
283	NGUYỄN HÀ	MY	071 / 001595	THCS An Tiến	X. AN LÃO	5,75	
284	BÙI NGUYỄN HUNG	PHÁT	072 / 001622	THCS Thủy Đường	P. THỦY NGUYÊN	5,75	
285	VŨ HỮU BÌNH	AN	089 / 001954	THCS Yết Kiêu	X. YẾT KIÊU	5,75	
286	LÊ PHẠM BẢO	ANH	089 / 001961	THCS Hồng Lạc	X. HÀ BẮC	5,75	
287	MẠC ĐỨC	DƯƠNG	091 / 002001	THCS Mạc Thị Bưởi	X. HỢP TIẾN	5,75	
288	NGUYỄN HẢI	DƯƠNG	091 / 002002	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KY	5,75	
289	MẠC NGUYỄN TRÚC	LINH	093 / 002064	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	5,75	
290	NGUYỄN THẢO	LY	094 / 002079	THCS Hưng Đạo	X. ĐẠI SƠN	5,75	
291	ĐỖ HOÀI	AN	065 / 001443	THCS Nguyễn Văn Cừ	P. HÒA BÌNH	5,63	
292	TẠ NGỌC	HÀ	067 / 001512	THCS Mỹ Đông	P. LÊ ÍCH MỘC	5,63	
293	BÙI THU	HƯƠNG	068 / 001535	THCS Thái Sơn	X. AN KHÁNH	5,63	
294	VŨ HOÀNG BẢO	NGỌC	072 / 001612	THCS Kiên Bái	P. THIÊN HƯƠNG	5,63	
295	NGUYỄN HOÀNG	SAO	073 / 001639	THCS Quảng Thanh	P. LÊ ÍCH MỘC	5,63	
296	ĐỖ HỒNG PHÚC	AN	089 / 001948	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	5,63	
297	VŨ PHƯƠNG	ANH	090 / 001976	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	5,63	
298	PHẠM MINH	HUY	092 / 002036	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	5,63	
299	TRẦN TRỌNG MINH	NHẬT	095 / 002104	THCS Tân Việt	X. BÌNH GIANG	5,63	
300	NGUYỄN ĐÌNH	PHÚC	096 / 002114	THCS Văn An	P. CHU VĂN AN	5,63	
301	BÙI THU	UYÊN	097 / 002152	THCS Nguyễn Giáp	X. NGUYỄN GIÁP	5,63	
302	VŨ TIẾN	ANH	065 / 001461	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THỤY	5,50	
303	NGUYỄN NGỌC	DŨNG	066 / 001485	THCS Đoàn Lập	X. TÂN MINH	5,50	
304	LÊ HỒNG	GIANG	067 / 001500	THCS Minh Đức	P. BẠCH ĐẰNG	5,50	
305	NGUYỄN THẢO	LINH	069 / 001561	THCS An Hưng	P. HỒNG AN	5,50	
306	PHÙNG BẢO	LINH	070 / 001568	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BẰNG	5,50	
307	NGUYỄN BẢO	TRÂM	074 / 001657	THCS Đại Đồng - Đông Phương	X. KIẾN MINH	5,50	
308	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	091 / 002004	THCS Lê Ninh	P. BẮC AN PHỤ	5,50	
309	NGUYỄN KHÁNH	LINH	093 / 002067	THCS Ngọc Liên	X. CẨM GIANG	5,50	
310	BÙI TUYẾT	NHƯ	095 / 002108	THCS Kim Đính	X. AN THÀNH	5,50	
311	VŨ THANH	TÂM	096 / 002128	THCS Bình Hàn	P. THÀNH ĐÔNG	5,50	
312	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	097 / 002151	THCS Tân Phong	X. TÂN AN	5,50	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
313	NGUYỄN CHÍ	DŨNG	066 / 001484	THCS Khởi Nghĩa	X. TIỀN LĂNG	5,38	
314	PHẠM HẢI	ĐÔNG	067 / 001497	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	5,38	
315	PHẠM THỊ NGỌC	HÂN	068 / 001520	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	5,38	
316	ĐÀO LÊ NGỌC	HUYỀN	068 / 001530	THCS Kiến Phúc	X. NGHI DƯƠNG	5,38	
317	PHẠM NGUYỄN NGỌC	LINH	070 / 001566	THCS Tân Trào	X. KIẾN HUNG	5,38	
318	PHẠM NHẬT	MINH	071 / 001588	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	5,38	
319	NGUYỄN HOÀNG LINH	NGA	071 / 001602	THCS Cao Nhân	P. LÊ ÍCH MỘC	5,38	
320	VŨ PHƯỢNG	NHI	072 / 001620	THCS Tiên Phong-Vĩnh Phong	X. VINH HẢI	5,38	
321	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	073 / 001633	THCS Kiến Thiết	X. TÂN MINH	5,38	
322	HÀ KHÁNH	CHI	090 / 001984	THCS Tân Hương	X. VINH LAI	5,38	
323	VŨ MINH	ĐỨC	091 / 002012	THCS Phả Lại	P. CHÍ LINH	5,38	
324	BÙI VĂN	KHÁNH	093 / 002045	THCS Văn Giang	X. HỒNG CHÂU	5,38	
325	PHÙNG THỊ NGỌC	MAI	094 / 002083	THCS Định Sơn	X. CẨM GIANG	5,38	
326	PHẠM TUẤN	MINH	094 / 002091	THCS Phả Lại	P. CHÍ LINH	5,38	
327	ĐẶNG BẢO	TRUNG	097 / 002148	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	5,38	
328	BÁ AN	PHÚ	072 / 001626	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIỂM	5,25	
329	PHẠM TRỊNH BẢO	AN	089 / 001952	THCS Ninh Thành	X. VINH LAI	5,25	
330	PHAN THỊ MINH	ANH	089 / 001971	THCS Gia Xuyên	P. THẠCH KHÔI	5,25	
331	TRẦN KHÁNH	HÀ	092 / 002021	THCS Tân Hương	X. VINH LAI	5,25	
332	PHẠM TUỆ	MINH	071 / 001589	THCS Lâm Động	P. THIÊN HƯƠNG	5,13	
333	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	VI	074 / 001668	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	5,13	
334	VŨ LƯƠNG NGỌC	DIỆP	090 / 001991	THCS Bình Hàn	P. THÀNH ĐÔNG	5,13	
335	PHẠM MAI	HƯƠNG	092 / 002041	THCS An Thanh	X. CHÍ MINH	5,13	
336	NGUYỄN KHÁNH	LINH	094 / 002068	THCS Ngũ Hùng	X. THANH MIỆN	5,13	
337	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	094 / 002071	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	5,13	
338	NGUYỄN HỮU MINH	ĐẠT	067 / 001493	THCS Trần Phú	P. PHÚ LIỄN	5,00	
339	NGÔ THANH	HÀNG	068 / 001516	THCS Nguyễn Chuyên Mỹ	X. AN HUNG	5,00	
340	NGUYỄN TÙNG	LÂM	069 / 001552	THCS Nam Hà	P. KIẾN AN	5,00	
341	PHẠM NGỌC	LINH	070 / 001565	THCS Hòa Bình	P. HÒA BÌNH	5,00	
342	DƯƠNG CẨM	TÚ	074 / 001661	THCS Minh Đức	P. BẠCH ĐẰNG	5,00	
343	DƯƠNG THÙY	DUNG	090 / 001992	THCS An Lạc	P. LÊ ĐẠI HÀNH	5,00	
344	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	091 / 002005	THCS Nguyễn Trãi	P. NGUYỄN TRÃI	5,00	
345	NGUYỄN ĐỨC BẢO	HOÀNG	092 / 002033	TH&THCS Hoàng Tân	P. TRẦN NHÂN TÔNG	5,00	
346	BÙI TÂN	MÃO	094 / 002084	THCS Thanh Xuân	X. HÀ NAM	5,00	
347	NGUYỄN THANH	THẢO	096 / 002129	THCS Trần Phú	P. THÀNH ĐÔNG	5,00	
348	LÊ THỊ HẢI	HÀ	067 / 001508	THCS Liên Khê	P. LƯU KIỂM	4,88	
349	LÊ NGUYỄN KHÁNH	LINH	069 / 001559	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	4,88	
350	ĐOÀN THU	TRANG	073 / 001653	THCS Hồng Phong	P. AN PHONG	4,88	
351	ĐOÀN VŨ LAN	CHI	090 / 001982	THCS Thống Nhất	X. YẾT KIỆU	4,88	
352	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	090 / 001990	THCS Đại Hợp	X. TÂN KÝ	4,88	
353	VŨ XUÂN	HẢI	092 / 002023	THCS Lê Lợi	X. YẾT KIỆU	4,88	
354	BÙI VIỆT	HOÀN	092 / 002032	THCS Nguyễn Trãi	P. NGUYỄN TRÃI	4,88	
355	LÊ QUANG	MINH	094 / 002086	TH&THCS Hoàng Tân	P. TRẦN NHÂN TÔNG	4,88	
356	VŨ THỊ THANH	TRÚC	097 / 002147	THCS Gia Xuyên	P. THẠCH KHÔI	4,88	
357	NGUYỄN GIA	BẢO	066 / 001468	TH-THCS Quang Hưng	X. AN QUANG	4,75	
358	PHẠM QUỐC	KHÁNH	069 / 001541	THCS Dũng Tiến	X. VINH THUẬN	4,75	
359	BÙI HOÀNG	MINH	070 / 001577	THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng	X. TIẾN MINH	4,75	
360	HOÀNG THỊ BÍCH	NGỌC	071 / 001609	THCS Hùng Thắng	X. HÙNG THẮNG	4,75	
361	TRẦN CÔNG	THÀNH	073 / 001643	THCS An Lư	P. HÒA BÌNH	4,75	
362	HOÀNG ĐẠT	VĂN	074 / 001666	THCS Đại Hợp	X. KIẾN HẢI	4,75	
363	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	VY	074 / 001672	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIỂM	4,75	
364	PHẠM HÀ	ANH	089 / 001970	THCS Đoàn Tùng	X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	4,75	
365	PHẠM QUỐC	KHÁNH	093 / 002049	THCS Sao Đỏ	P. CHU VĂN AN	4,75	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
366	VŨ HUY	HOÀNG	068 / 001527	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	4,63	
367	ĐOÀN PHƯƠNG	NGA	071 / 001601	THCS Hòa Bình-Trần Dương	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	4,63	
368	TẠ THU	PHƯƠNG	073 / 001634	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	4,63	
369	NGÔ LÊ NHẬT	ANH	089 / 001963	THCS Văn An	P. CHU VĂN AN	4,63	
370	TRẦN HUY ĐỨC	ANH	090 / 001973	THCS Mạc Thị Bưởi	X. HỢP TIẾN	4,63	
371	HÀ HOÀNG ÁNH	DƯƠNG	091 / 002000	THCS Định Sơn	X. CẨM GIANG	4,63	
372	PHẠM PHƯƠNG	HOA	092 / 002029	THCS Cao An	P. VIỆT HOÀ	4,63	
373	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	092 / 002038	THCS Thanh Giang	X. NAM THANH MIỆN	4,63	
374	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	097 / 002145	THCS Văn Giang	X. HỒNG CHÂU	4,63	
375	ĐOÀN KIM GIA	BẢO	065 / 001466	THCS Trần Phú	P. PHÚ LIÊN	4,50	
376	TRỊNH LÊ ANH	DŨNG	066 / 001487	THCS Mỹ Đức	X. AN KHÁNH	4,50	
377	NGUYỄN GIA	HÂN	068 / 001518	TH - THCS - THPT Alpha Hải Phòng	P. HUNG ĐẠO	4,50	
378	NGUYỄN QUỲNH	CHI	090 / 001986	THCS Cộng Hòa	X. AN PHÚ	4,50	
379	PHẠM ĐỨC	HẢI	092 / 002022	THCS Toàn Thắng	X. GIA PHÚC	4,50	
380	NGUYỄN THANH	HIỀN	092 / 002027	THCS Cộng Hòa	X. AN PHÚ	4,50	
381	BÙI MAI	LAN	093 / 002055	TH-THCS Thanh Quang	X. TRẦN PHÚ	4,50	
382	NGUYỄN MINH	THỨ	097 / 002140	THCS Hiệp Sơn	P. PHẠM SƯ MẠNH	4,50	
383	ĐOÀN TRÂM	ANH	065 / 001448	THCS Liên Khê	P. LƯU KIỂM	4,38	
384	NGUYỄN HOÀNG DIỆU	ANH	089 / 001965	THCS Lai Cách	P. VIỆT HOÀ	4,38	
385	HOÀNG KIM	NGÂN	095 / 002097	THCS Thống Kênh	X. GIA PHÚC	4,38	
386	ĐÀO THỊ MINH	THỨ	097 / 002138	THCS Hà Thanh	X. NGUYỄN GIÁP	4,38	
387	NGUYỄN MẠNH	DƯƠNG	067 / 001491	THCS Mỹ Đồng	P. LÊ ÍCH MỘC	4,25	
388	NGUYỄN THÁI	HOÀ	068 / 001525	THCS Hồng Phong	P. AN PHONG	4,25	
389	VŨ THỊ BẢO	LINH	070 / 001570	THCS Việt Tiến-Trung Lập	X. VINH THỊNH	4,25	
390	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	072 / 001628	THCS Việt Tiến-Trung Lập	X. VINH THỊNH	4,25	
391	NGUYỄN NGỌC	ANH	089 / 001967	THCS Thanh Lang	X. HÀ NAM	4,25	
392	TRẦN HOÀNG	DƯƠNG	091 / 002006	THCS Thái Dương	X. THƯỢNG HỒNG	4,25	
393	PHẠM THỊ DIỆU	HƯƠNG	092 / 002042	THCS Cẩm Vũ	X. TUỆ TÍNH	4,25	
394	NGÔ THIÊN	THÚY	097 / 002136	THCS Quang Minh	X. TRƯỜNG TÂN	4,25	
395	VŨ VIỆT	VƯƠNG	097 / 002156	THCS Chí Minh	P. CHU VĂN AN	4,25	
396	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	065 / 001450	THCS Ngũ Đoan	X. KIẾN HÙNG	4,13	
397	NGUYỄN ĐỨC MINH	QUÂN	096 / 002125	THCS Hồng Lạc	X. HÀ BẮC	4,13	
398	VŨ BÁ	THẮNG	096 / 002134	THCS Chi Lăng Nam	X. NAM THANH MIỆN	4,13	
399	TRỊNH DUY	ANH	065 / 001456	THCS Đông Tây Hưng	X. CHẤN HUNG	4,00	
400	BÙI VĂN	NHẬT	072 / 001617	THCS Kỳ Sơn	X. VIỆT KHÉ	4,00	
401	TRỊNH MINH	DƯƠNG	091 / 002007	THCS An Sinh	P. PHẠM SƯ MẠNH	4,00	
402	LÊ DUY	HIẾU	092 / 002028	THCS Thạch Lỗi	X. CẨM GIANG	4,00	
403	ĐÀO DIỆU	LINH	093 / 002062	TH-THCS Thanh Quang	X. TRẦN PHÚ	4,00	
404	VĂN THỊ PHƯƠNG	THẢO	096 / 002130	THCS Thái Dương	X. THƯỢNG HỒNG	4,00	
405	PHẠM HỮU NAM	KHÁNH	093 / 002048	THCS Tân Hưng	P. TÂN HUNG	3,88	
406	VŨ THANH	LIÊM	093 / 002060	THCS Vạn Phúc	X. TÂN AN	3,88	
407	NGUYỄN TRẦN THẢO	ANH	065 / 001452	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	3,75	
408	VŨ TRẦN BÌNH	MINH	071 / 001593	THCS An Đồng	P. AN HẢI	3,75	
409	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	074 / 001671	THCS Phan Chu Trinh	X. VIỆT KHÉ	3,75	
410	NGUYỄN HOÀNG KỶ	ANH	089 / 001966	THCS Quang Trung	X. LẠC PHƯƠNG	3,75	
411	PHẠM TIẾN	ĐẠT	091 / 002009	THCS An Sơn	X. THÁI TÂN	3,75	
412	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	091 / 002014	THCS Lai Cách	P. VIỆT HOÀ	3,75	
413	NGUYỄN THANH	HƯƠNG	092 / 002040	THCS Đông Cẩm	X. KIM THÀNH	3,75	
414	PHẠM XUÂN	PHÚC	096 / 002116	THCS An Lâm	X. AN PHÚ	3,75	
415	PHẠM TÙNG	LÂM	069 / 001554	THCS Trần Hưng Đạo	P. LƯU KIỂM	3,63	
416	VŨ QUỲNH	ANH	090 / 001977	THCS Thạch Khôi	P. THẠCH KHÔI	3,63	
417	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	091 / 002013	THCS Nam Đồng	P. NAM ĐỒNG	3,63	
418	NGUYỄN NGỌC BẢO	LINH	094 / 002069	THCS Văn Tố	X. CHÍ MINH	3,63	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
419	MẠC TỐ	UYÊN	097 / 002154	THCS Hiến Thành	P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG	3,63	
420	TRỊNH THÚY	ANH	065 / 001458	THCS Quang Trung	X. AN QUANG	3,50	
421	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	LINH	070 / 001563	THCS Đồng Thái	P. AN HẢI	3,50	
422	VŨ TRƯỜNG	THỊNH	073 / 001646	THCS Nguyễn Chuyên Mỹ	X. AN HƯNG	3,50	
423	NGUYỄN THẢO	MY	095 / 002095	THCS Đồng Quang	X. TRƯỜNG TÂN	3,50	
424	PHẠM QUỐC	VIỆT	074 / 001669	THCS Vinh Quang	X. HÙNG THẮNG	3,38	
425	LÃ PHƯƠNG THẢO	NGUYỄN	072 / 001614	THCS Thiên Hương	P. THIÊN HƯƠNG	3,25	
426	ĐÀO THỊ HÀ	TRANG	073 / 001652	THCS Cổ Am-Vĩnh Tiến	X. VĨNH AM	3,25	
427	HOÀNG ĐĂNG	KHOA	093 / 002052	THCS Tiên Tiến	P. NAM ĐÔNG	3,25	
428	LÊ HƯƠNG	TRÀ	097 / 002142	THCS Thượng Quận	P. TRẦN LIẾU	3,25	
429	TẶNG DOẢN QUỐC	BẢO	090 / 001979	THCS Hồng Hưng	X. GIA PHÚC	3,13	
430	NGUYỄN DUY	TRƯỜNG	097 / 002149	TH-THCS Thái Học	P. CHU VĂN AN	3,00	
431	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	ANH	065 / 001457	THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng	X. TIÊN MINH	2,88	
432	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	069 / 001562	TH-THCS Du Lễ	X. NGHI DƯƠNG	2,88	
433	HOÀNG THU	HÀ	091 / 002018	THCS Đức Chính	X. TUỆ TÍNH	2,88	
434	ĐẶNG NGUYỄN THÀNH	LONG	094 / 002078	TH-THCS Nguyễn Đức Sáu	X. THÁI TÂN	2,88	
435	VŨ BẢO	NGỌC	072 / 001611	THCS Tam Cường	X. VĨNH AM	2,63	
436	ĐẶNG MINH	SANG	073 / 001637	THCS Hiệp Hòa-Hùng Tiến	X. VĨNH HÒA	2,63	
437	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	095 / 002105	THCS Hồng Quang	X. BẮC THÀNH MIỆN	2,63	
438	PHẠM THÁI	SON	073 / 001640	THCS Hợp Đức	P. NAM ĐÓ SƠN	2,50	
439	NGUYỄN PHƯƠNG	CHINH	066 / 001477	THCS Kỳ Sơn	X. VIỆT KHÊ	2,25	
440	PHẠM THỊ MINH	TRANG	074 / 001656	THCS An Hòa	X. VĨNH HÒA	2,13	
441	VŨ THỊ	NGỌC	095 / 002102	THCS Hồng Quang	X. BẮC THÀNH MIỆN	2,00	

(Danh sách gồm: 441 thí sinh)